

PHỤ LỤC

Giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2023 đối với cấp học THCS

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND TP Lào Cai)

TT	Tên đơn vị trường học	Tổng số lớp học năm học 2022 - 2023	Biên chế giao năm học 2022-2023														Ghi chú
			Tổng số	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý			Nhóm vị trí công việc hoạt động nghề nghiệp			Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ							
				Tổng số	Hiệu trưởng	Hiệu phó	Giáo viên giảng dạy		Tổng phụ trách Đội TNTPHCM	Tổng số	Thiết bị dạy học	Thư viện	Văn thư, thủ quỹ	Kế toán	Y tế đường	HD 68; ND 161	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trường THCS Lê Hồng Phong	20	43	3	1	2	36	1,80	1	3		1	1	1			
2	Trường THCS Lê Quý Đôn	19	42	3	1	2	35	1,84	1	3		1	1	1			
3	Trường THCS Kim Tân	32	65	3	1	2	56	1,75	1	5	1	1	1	1	1		
4	Trường THCS Bắc Cường	22	47	3	1	2	40	1,82	1	3		1	1	1			
5	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	24	52	3	1	2	44	1,83	1	4		1	1	1	1		
6	Trường THCS Ngô Văn Sở	24	51	3	1	2	43	1,79	1	4	1	1	1	1			
7	Trường TH&THCS Đồng Tuyển	4	15	2	1	1	9	2,25	1	3		1	1	1			
8	Trường THCS Bắc Lệnh	11	26	2	1	1	20	1,82	1	3		1	1	1			
9	Trường THCS Bình Minh	9	22	2	1	1	16	1,78	1	3	1		1	1			
10	Trường THCS Pom Hán	13	27	2	1	1	22	1,69	1	2		1	1				
11	Trường THCS Vạn Hòa	6	16	1	1		10	1,67	1	4		1	1	1		1	
12	Trường THCS Hợp Thành	8	20	2	1	1	15	1,88	1	2		1	1				
13	Trường THCS Lý Tự Trọng	18	41	3	1	2	34	1,89	1	3		1	1	1			
14	Trường THCS Cam Đường	11	24	2	1	1	19	1,73	1	2		1	1				
15	Trường THCS Nam Cường	10	23	3	1	2	17	1,70	1	2		1	1				
16	Trường THCS Tả Phời	8	21	2	1	1	14	1,75	1	4		1	1	1		1	
17	Trường THCS Cốc San	9	22	2	1	1	15	1,67	1	4	1	1	1		1		
18	Trường THCS Thống Nhất	10	25	2	1	1	19	1,90	1	3		1			1	1	
19	Trường TH&THCS Xuân Tăng	6	18	2	1	1	11	1,83	1	4		1	1	1		1	
20	Trường TH&THCS số 1 Tả Phời	4	12	2	1	1	6	1,50	1	3	1			1		1	
21	Trường TH&THCS số 2 Tả Phời	4	11	1	1		5	1,25	1	4		1	1	1		1	
Tổng số:		272	623	48	21	27	486	1,79	21	68	5	19	19	15	4	6	

PHỤ LỤC

Giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2023 đối với cấp học tiểu học

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND TP Lào Cai)

STT	Tên đơn vị trường học	Tổng số lớp học năm học 2022 - 2023	Điể m trườn g lê	Số trườn g học 2 buổi/n gày	Biên chế giao năm học 2022-2022														Ghi chú
					Tổng số	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý		Nhóm vị trí công việc hoạt động nghề nghiệp			Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ								
						Tổng số	Hiệu trườn g	Hiệu phó	Giáo viên giảng dạy	Tỷ lệ GV/lớp	Tổng phụ trách Đội TNT HCM	Tổng số	Thiế t bị dạy học	Thư viện	Văn thư, thủ quỹ	Kế toán	Y tế học đườn g	ĐH6 8; NĐ 161	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Trường tiểu học Bắc Cường	45		1	70	3	1	2	62	1,38	1	4		1	1	1	1		
2	Trường tiểu học Bắc Lệnh	30		1	51	3	1	2	43	1,43	1	4		1	1	1	1		
3	Trường tiểu học Bình Minh	14		1	26	2	1	1	20	1,43	1	3		1	1	1			
4	Trường tiểu học Cam Đường	15		1	28	2	1	1	21	1,40	1	4		1	1	1		1	
5	Trường tiểu học Cốc San	16	1	1	28	2	1	1	23	1,44	1	2			1	1			
6	Trường tiểu học Chu Văn An	16		1	28	2	1	1	23	1,44	1	2			1	1			
7	Trường tiểu học Duyên Hải	10		1	19	2	1	1	14	1,40	1	2			1			1	
8	Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ	30		1	50	3	1	2	42	1,40	1	4		1	1	1	1		
9	Trường tiểu học Hợp Thành	15	1	1	28	2	1	1	22	1,47	1	3		1	1			1	
10	Trường tiểu học Kim Đồng	15		1	28	2	1	1	22	1,47	1	3		1	1	1			
11	Trường tiểu học Lê Ngọc Hân	36		1	61	3	1	2	52	1,44	1	5		1	1	1	1	1	
12	Trường tiểu học Lê Văn Tám	33		1	56	3	1	2	48	1,45	1	4		1	1	1	1		
13	Trường tiểu học Nam Cường	17		1	30	2	1	1	24	1,41	1	3		1	1	1			
14	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	15		1	27	2	1	1	21	1,40	1	3			1	1	1		
15	Trường tiểu học Nguyễn Du	24		1	41	3	1	2	34	1,42	1	3		1	1	1			
16	Trường tiểu học Pom Hán	19		1	31	2	1	1	26	1,37	1	2		1	1				
17	Trường tiểu học Tả Phời	18	3	1	31	2	1	1	25	1,39	1	3		1		1		1	
18	Trường tiểu học Thống Nhất	23	2	1	39	3	1	2	32	1,39	1	3		1	1	1			
19	Trường tiểu học Vạn Hòa	15	1	1	28	2	1	1	22	1,47	1	3		1	1			1	
20	TH&THCS Đồng Tuyển	9		1	14	1		1	12	1,33		1						1	
21	TH&THCS Xuân Tăng	19	2	1	29	2		2	27	1,42		0							
22	TH&THCS số 1 Tả Phời	10	2	1	15	1		1	14	1,40		0							
23	TH&THCS số 2 Tả Phời	5		1	8	1		1	7	1,40		0							
Tổng số:		449	12	23	766	50	19	31	636	1,42	19	61	0	15	18	15	6	7	

PHỤ LỤC
Giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2023 đối với cấp học mầm non
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND TP Lào Cai)

STT	Tên đơn vị trường học	Tổng số lớp năm học 2022 - 2023	Điểm m trường lẻ	Số trường học 2 buổi/ngày	Biên chế giao năm học 2022-2023											Ghi chú
					Tổng số	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý		Nhóm vị trí công việc hoạt động nghề nghiệp		Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ						
						Tổng g số	Hiệu trưởng	Hiệu phó	Giáo viên giảng dạy	Tỷ lệ	Tổng số	Văn thư, thủ quỹ	Kế toán	Y tế học đường	HD6 8; ND 161	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường mầm non Hoa Sen	14	1	1	32	3	1	2	26	1,86	3	1	1		1	
2	Trường mầm non Hoa Mai	16		1	35	3	1	2	30	1,88	2	1	1			
3	Trường mầm non Hoa Hồng	15		1	33	3	1	2	27	1,80	3	1	1	1		
4	Trường mầm non Hoa Đào	8		1	20	3	1	2	15	1,88	2	1	1			
5	Trường mầm non Bắc Lệnh	6		1	16	3	1	2	11	1,83	2	1	1			
6	Trường mầm non Hoa Ban	10	1	1	23	3	1	2	18	1,80	2	1	1			
7	Trường mầm non Bình Minh	13	2	1	30	3	1	2	24	1,85	3	1	1		1	
8	Trường mầm non Đồng Tuyển	9	1	1	22	3	1	2	16	1,78	3		1	1	1	
9	Trường mầm non Vạn Hòa	8	1	1	20	3	1	2	14	1,75	3	1		1	1	
10	Trường mầm non Bắc Cường	13		1	30	3	1	2	24	1,85	3	1	1	1		
11	Trường mầm non Nam Cường	11		1	24	3	1	2	19	1,73	2	1	1			
12	Trường mầm non Hoa Lan	10		1	24	3	1	2	18	1,80	3	1	1	1		
13	Trường mầm non Ánh Hồng	10	1	1	23	3	1	2	18	1,80	2			1	1	
14	Trường mầm non Cam Đường	8		1	20	3	1	2	14	1,75	3	1		1	1	
15	Trường mầm non Tả Phời	10	3	1	25	3	1	2	19	1,90	3	1		1	1	
16	Trường mầm non Hợp Thành	10	2	1	24	3	1	2	18	1,80	3		1	1	1	
17	Trường mầm non Cốc San	10	1	1	24	3	1	2	18	1,80	3		1	1	1	
18	Trường mầm non Ban Mai	16	6	1	36	3	1	2	30	1,88	3	1	1		1	
19	TH&THCS số 1 Tả Phời	4	3	1	8	0			8	2,00	0					
20	TH&THCS số 2 Tả Phời	4	1	1	8	0			8	2,00	0					
Tổng số:		205	23	20	477	54	18	36	375	1,83	48	14	14	10	10	